

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TK, TỈNH HD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/9/2022.

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TK- TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, tỉnh HD tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh ngày: 16/11/1995.

ĐKHKT và nơi cư trú: thôn An Thổ, xã Nguyên Giáp, huyện TK, tỉnh HD. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh ngày: 20/10/1988.

ĐKHKT và nơi cư trú: khu An Nhân Tây, thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh T được tự do tìm hiểu nhau hai năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2018. Sau ngày kết hôn, hai vợ chồng chị sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng chị ở khu An Nhân Tây, thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T và chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T không cùng chị tập trung làm ăn kinh tế, không có trách nhiệm với chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã, to tiếng với nhau. Hơn nữa, anh chị không có con chung nên tình cảm vợ chồng thiếu sự gắn kết. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tháng 9 năm 2021, chị đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn An Thổ, xã Nguyên Giáp, huyện TK, tỉnh HD. Vợ chồng chị ly thân nhau từ đó đến nay, anh T cũng không đến nhà bố mẹ đẻ chị để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ và không đón chị về. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng chị và nhiều lần động viên, hòa giải cho vợ chồng chị để anh chị cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn không quan tâm đến chị nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay, chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T được nữa nên chị xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị, để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Do công việc bận nên chị có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị cho đến khi giải quyết xong vụ án đồng thời chị giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2022, anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh và chị Phạm Thị M kết hôn vào ngày 08/3/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng mẹ anh ở khu An Nhân Tây, thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì anh chị không ở được với nhau nữa. Chị M về nhà bố mẹ đẻ tại thôn An Thổ, xã Nguyên Giáp, huyện TK, tỉnh HD từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Anh T có nhắn tin và xuống tìm chị M một lần nhưng chị không mặn mà, anh có ý đón chị về nhưng chị không về. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Do anh chị không còn tình cảm nên chị M xin ly hôn với anh, anh nhận thấy không thể kéo dài tình trạng này, vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị M để giải phóng cho chị M và để anh chị ổn định cuộc sống. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00' ngày 14/9/2022 nhưng anh T cũng xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Anh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án.

Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Anh T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh chị đều trình bày, vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không nợ chung và không cho vay chung, không nợ riêng, không cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị M, Tòa án tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ chị M, mẹ đẻ anh T, xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú thể hiện: Anh chị được tự do tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tứ Kỳ vào ngày 08/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với mẹ đẻ anh T tại khu An Nhân Tây, thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không tập trung kinh tế, không thống nhất về mọi mặt và không có con chung, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị M về nhà bố mẹ ở, anh T đi làm xa, cuối tuần về nhà, vợ chồng đã ly thân được gần một năm nay. Nay, chị M xin ly hôn anh T, hai gia đình đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống. Mẹ đẻ anh T cũng trình bày, anh T công việc bận không thể về giải quyết cũng như tham gia tố tụng được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Anh T và gia đình bà không có ý kiến, không khiếu kiện gì về việc giải quyết của Tòa án sau này. Anh chị không có con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng, cho vay chung, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên của anh chị đều không có.

Chị M và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Nguyễn Anh T. Về án phí: buộc chị Phạm Thị M phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 14/9/2022; chị M và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh chị theo khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Anh T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK, tỉnh HD vào ngày 08/3/2018 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tập trung kinh tế, không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã, to tiếng với nhau. Hơn nữa, anh chị không có con chung nên tình cảm vợ chồng thiếu sự gắn kết. Vợ chồng anh chị đã ly thân nhau gần một năm nay. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị và nhiều lần động viên, hòa giải cho anh chị để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay, mỗi người ở một nơi. Tòa án triệu tập anh T để hòa giải, anh T đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không có mặt tại buổi hòa giải, điều đó thể hiện anh không còn thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không muốn hàn gắn tình cảm với chị M, anh và hai bên gia đình cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị M xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không nợ chung, không cho vay chung, không nợ riêng, không cho vay riêng, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị M xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Phạm Thị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0004469 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Phạm Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Anh T. Chị M và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tứ Kỳ, huyện TK để lưu hồ tịch (đăng ký kết hôn ngày 08/3/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh